

TỪ TÍN HIỆU NGÔN NGỮ ĐẾN TÍN HIỆU THẨM MỸ TRONG VĂN CHƯƠNG

FROM LINGUISTIC SIGNS TO AESTHETIC SIGNS IN LITERATURE

BÙI MINH TOÁN

(GS. TS, Đại học Sư phạm Hà Nội)

Abstract

Aesthetic signs in literature come from linguistic signs. They are two-faceted: the signifier (the totality of the two facets of language) and the signified (the aesthetic meaning). Aesthetic signs consist of two levels: micro-level (in which the signifier is a word or a phrase) and macro-level (in which the signifier is the totality of the words and phrases in the artistic text, comprising the whole text). Aesthetic signs at both levels possess the following main characteristics: linearity, motivatedness, lucidity, individuality, nationality, expressiveness, and systematicity.

1. Như mọi người đều biết, văn chương là loại hình nghệ thuật dùng chất liệu ngôn ngữ. Ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu mà mỗi cộng đồng xã hội tạo nên để thực hiện hai chức năng cơ bản: công cụ của nhận thức, tư duy và phương tiện giao tiếp quan trọng nhất của con người. Ngoài ra ngôn ngữ còn được dùng làm chất liệu cho nghệ thuật văn chương, lúc đó tín hiệu ngôn ngữ tạo nên tín hiệu thẩm mỹ.

Tín hiệu thẩm mỹ là loại tín hiệu có chức năng thẩm mỹ: biểu hiện cái đẹp, truyền đạt và bồi dưỡng cảm xúc về cái đẹp. Nó cũng như mọi loại tín hiệu khác, cần có hai mặt: cái biểu đạt (cái biểu hiện) và cái được biểu đạt (cái được biểu hiện), nhưng cái được biểu đạt là ý nghĩa thẩm mỹ.

Mỗi loại hình nghệ thuật đều có tín hiệu thẩm mỹ, tuy được tạo ra bằng các chất liệu và phương thức khác nhau. Bức tranh dân gian vẽ một bầy gà, trong đó có một con gà mẹ và những con gà con. Gà con quấn quýt

bên chân gà mẹ, có con cưỡi trên lưng mẹ. Bức tranh đó là một tín hiệu thẩm mỹ. Nó không chỉ mô tả cảnh sinh hoạt của đàn gà, mà còn thể hiện một tư tưởng thẩm mỹ cao đẹp: tình mẫu tử đáng quý trọng. Bức tượng thân tự do ở nước Mỹ cũng là một tín hiệu thẩm mỹ: thể hiện khát vọng vươn tới tự do và cuộc sống cao đẹp của con người.

Trong nghệ thuật văn chương, mỗi tín hiệu thẩm mỹ cũng có ý nghĩa và chức năng thẩm mỹ của nó. Chẳng hạn, câu ca dao:

*Thuyền về có nhớ bến chăng / Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.**

dùng các tín hiệu ngôn ngữ thông thường, mà mọi người Việt Nam đều biết. Nhưng mọi người Việt Nam trưởng thành đều hiểu: câu đó không chỉ nói chuyện thuyền bến, sông nước, mà cao đẹp hơn, nó thể hiện tình cảm thủy chung giữa một người con gái và một người con trai. Thuyền và bến gắn bó với nhau theo một mối quan hệ

mặt thiết mà sự tồn tại của cái này là lẽ tồn tại của cái kia: thuyền cần có bến, bến sinh ra để cho thuyền. Nhưng có lúc thuyền và bến phải xa nhau, thuyền chuyển dời, còn bến thì tĩnh tại một chỗ. Tuy thế, không lúc nào bến không nhớ đến thuyền. Từ đó những tín hiệu *thuyền* và *bến* đã trở thành tín hiệu thẩm mỹ để biểu hiện cho tình cảm của con người. Người con gái và người con trai cũng sinh ra và tồn tại trên cõi đời theo một mối quan hệ tương hỗ, chế định nhau và cũng có lúc họ tạm thời xa nhau. Nhưng trong hoàn cảnh nào thì người con gái vẫn giữ tấm lòng thủy chung. Đó chính là một ý nghĩa thẩm mỹ cao đẹp làm cho *thuyền* và *bến* trong câu ca dao này trở thành tín hiệu thẩm mỹ.

2. Để tạo nên tín hiệu thẩm mỹ trong văn chương, tín hiệu ngôn ngữ cần có quá trình chuyển hóa nhờ sự sáng tạo của nghệ sĩ và sự linh hoạt, cảm thụ của độc giả.

I.U.M Lotman viết: "Văn học có tính nghệ thuật nói bằng một thứ ngôn ngữ đặc biệt, thứ ngôn ngữ được xây dựng lên trên ngôn ngữ tự nhiên với tư cách là hệ thống thứ hai. Bởi vậy mà người ta xác định nó như là hệ thống mô hình hóa thứ hai... Từ điều đã nói trên suy ra rằng, nghệ thuật ngôn từ dù cũng dựa vào ngôn ngữ tự nhiên, nhưng lại chỉ với điều kiện là để cải biến nó thành thứ ngôn ngữ của mình - ngôn ngữ thứ sinh, ngôn ngữ của nghệ thuật" (3 ; 49-53).

Từ tín hiệu ngôn ngữ thành tín hiệu thẩm mỹ đã có sự thay đổi về chất. Có thể chia sẻ với ý kiến của L.Hjelmslev mà tác giả Đỗ Hữu Châu cũng đồng quan niệm khi trích dẫn: "Trong tác phẩm văn học, cả cái hợp thể cái biểu hiện và cái được biểu hiện của ngôn ngữ thông thường trở thành (đóng vai trò) cái biểu hiện cho một cái được biểu hiện mới" (1; 15). Với quan niệm như thế, quan hệ giữa tín hiệu ngôn ngữ (THNN) và tín hiệu thẩm mỹ (THTM),

cùng quan hệ giữa hai mặt trong từng loại tín hiệu đó có thể biểu hiện trong sơ đồ sau:

THTM trong văn chương		
Cái biểu đạt (tổng thể hai mặt của THNN)		Cái được biểu đạt
Cái biểu đạt của THNN	Cái được biểu đạt của THNN	Ý nghĩa thẩm mỹ: <i>tình cảm gắn bó giữa người con gái và người con trai</i>
âm thanh (chữ viết) Thuyền, bến	ý nghĩa ngôn ngữ: Hai sự vật trên sông nước	

3. Trong văn chương, từ một tác phẩm nhỏ (như một câu ca dao, hay tục ngữ) đến một tác phẩm lớn, đồ sộ (như một thiên tiểu thuyết nhiều tập) các tín hiệu thẩm mỹ có thể được phân biệt theo hai cấp độ: vi mô (tín hiệu đơn) và vĩ mô (tín hiệu phức).

Tín hiệu ở cấp độ vi mô là những tín hiệu thẩm mỹ được cấu tạo trên cơ sở một từ ngữ. Mỗi từ trong ngôn ngữ thông thường khi đi vào tác phẩm văn chương, mang một ý nghĩa thẩm mỹ và trở thành tín hiệu thẩm mỹ vi mô (đơn), tuy với các giá trị thẩm mỹ khác nhau.

Tín hiệu thẩm mỹ vi mô có thể chỉ hiện diện trong một câu, ở một từ. Ví dụ, trong câu tục ngữ "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng", có những tín hiệu thẩm mỹ vi mô tiêu biểu như *mực, đèn, đen, sáng, gần*. Những tín hiệu này có ý nghĩa thẩm mỹ và phối hợp với nhau để tạo nên ý nghĩa thẩm mỹ của cả câu tục ngữ: sống ở môi trường có những cái xấu, cái tiêu cực thì sẽ bị ảnh hưởng và có thể trở nên xấu xa, còn sống ở môi trường tốt, tích cực thì sẽ được tiếp nhận cái tốt và trở nên tốt đẹp.

Hoặc xem xét đoạn thơ sau của nhà thơ Chế Lan Viên:

Xưa phù du mà nay đã phù sa / Xưa bay đi mà nay không trôi mát / Cho đến được lúa vàng đất mát, / Phải trên mình bao trận gió mưa qua.

Trong đoạn thơ trên có nhiều tín hiệu thẩm mỹ đơn, ở tầm vi mô: các danh từ *xưa,*

nay, phù du, phù sa, lúa, đất, trăn, gió mưa, mình; các động từ trôi, bay, đến, qua; các tính từ vàng, mật... Mỗi từ đó không chỉ có ý nghĩa ngôn ngữ thông thường mà có ý nghĩa thẩm mỹ. Chẳng hạn, các danh từ vốn biểu hiện các sự vật thuộc trường nghĩa sản xuất nông nghiệp: *phù sa, lúa, đất, trăn, gió mưa* hay liên quan đến sông nước trong sản xuất nông nghiệp (*phù du* - loài vật bé nhỏ, họ bướm, thường sống trên nơi có nước hay ẩm ướt và cuộc đời ngắn ngủi, vô bổ)... đã mang một ý nghĩa thẩm mỹ: xưa chỉ có những cái nhỏ bé, vô bổ và trôi đi, không để lại ích lợi gì (*phù du*), thì nay đã có những thành tựu lớn trong sản xuất nông nghiệp (*lúa vàng, đất mật*), tuy rằng những thành tựu đó có được là đã phải trải qua bao khó khăn trở ngại (*trăn gió mưa*). Từ nội dung này lại nâng lên tầm một ý nghĩa thẩm mỹ rộng lớn và cao đẹp hơn: con người (trong đó có tác giả) và xã hội ta, đất nước ta đã trải qua một quá trình "lột xác" sau Cách mạng Tháng Tám và nhất là sau khi hòa bình lập lại trên miền Bắc - xưa là nhỏ bé, vô bổ và cuộc sống trôi đi một cách uổng phí, nay thì con người và cả xã hội đã sống có ích lợi, gạt hái được nhiều thành quả tốt đẹp, tuy có trải qua nhiều trắc trở, đau thương. (về *tín hiệu thẩm mỹ vi mô*, xin xem thêm bài viết 6b).

Tín hiệu thẩm mỹ vi mô (tín hiệu phức) là tín hiệu được hình thành từ cả một tập hợp hay từ tất cả các từ ngữ trong một văn bản nghệ thuật. Ở tầm vĩ mô, tín hiệu thẩm mỹ bao quát cả một bộ phận lớn hay cả một tác phẩm văn chương. Mỗi tín hiệu thẩm mỹ vi mô lại là sự hòa kết, tích hợp của nhiều tín hiệu thẩm mỹ vi mô. Trong các ngành nghệ thuật khác cũng có những cấp độ tín hiệu khác nhau như thế. Chẳng hạn, một bức tượng Phật ngồi trên một tòa sen gồm nhiều tín hiệu thẩm mỹ đơn: tòa sen, nét mặt, cặp mắt, đôi tay, trang phục..., mỗi tín hiệu nói về một phương diện trong phẩm chất, đức độ, điểm nhìn, ... của Đức

Phật. Toàn bộ bức tượng là một tín hiệu vĩ mô.

Trong tác phẩm văn chương, tín hiệu thẩm mỹ ở tầm vĩ mô thường được gọi là *hình tượng nghệ thuật*. Lúc đó tín hiệu thẩm mỹ vĩ mô bao trùm cả tác phẩm hay một bộ phận trong tác phẩm chứ không chỉ tồn tại trong một câu hay một đoạn. Ví dụ toàn bộ bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh là một tín hiệu thẩm mỹ vĩ mô. Bao trùm toàn bộ bài thơ là hình tượng sóng - tín hiệu thẩm mỹ vĩ mô thể hiện ý nghĩa thẩm mỹ: trạng thái xúc cảm và tâm lý của người con gái trong tình yêu đôi lứa. Góp phần tạo nên tín hiệu lớn này là rất nhiều tín hiệu thẩm mỹ vi mô trong bài thơ, ngay từ những tín hiệu đầu tiên: *dữ dội, dịu êm, ồn ào, lặng lẽ, ...* Với các tín hiệu vi mô, tác giả đã khéo léo cấu tứ, phối hợp chúng với nhau để tạo nên tín hiệu thẩm mỹ vĩ mô. Từ những tín hiệu nói về các trạng thái của sóng biển (*dữ dội, dịu êm...*), nói về nơi khởi nguồn của nó (nơi vô định), nói về những con sóng trên mặt nước, hay dưới lòng sâu, những con sóng bên bờ đến những con sóng ngoài khơi..., tất cả để nhằm đến đích thẩm mỹ là trạng thái tình cảm, xúc cảm của người con gái trong yêu đương. Do đó tín hiệu thẩm mỹ vĩ mô bao trùm bài thơ là tín hiệu *sóng* đã có giá trị thẩm mỹ cao đẹp.

Đối với các tác phẩm tự sự, tín hiệu thẩm mỹ vĩ mô là những hình tượng nhân vật xuất hiện trong toàn bộ tác phẩm hay ở một phần của tác phẩm. Đó có thể là các nhân vật tích cực như Chị Dậu, lão Hạc... hay các nhân vật tiêu cực như Bá Kiến, Sở Khanh..., bởi vì cả hai đều nhằm nói lên tư tưởng thẩm mỹ của tác phẩm.

Tín hiệu vi mô và tín hiệu vĩ mô đồng thời tồn tại trong tác phẩm văn chương. Các tín hiệu vi mô là những tế bào phối hợp thành một chỉnh thể là tín hiệu thẩm mỹ vĩ mô. Khi tiếp nhận và lĩnh hội tác phẩm văn chương, độc giả không chỉ lĩnh

hội các tín hiệu vi mô, mà còn tiến tới lĩnh hội tín hiệu vĩ mô.

4. So với tín hiệu ngôn ngữ thông thường (xin xem bài viết 6a của chúng tôi), thì tín hiệu thẩm mỹ có những điểm tương đồng, nhưng cũng có những điểm khác biệt. Tín hiệu thẩm mỹ có thể ở dạng ngôn ngữ nói hay ngôn ngữ viết, nhưng ở cả hai dạng nó đều là các tín hiệu nhân tạo (do tác giả tạo nên) và có những tính chất chung chủ yếu sau đây.

a. Tính hình tuyến

Trong ngôn ngữ hàng ngày, tín hiệu ngôn ngữ, như F.de Saussure (5,126) đã chỉ ra, cả một đặc tính cơ bản là tính hình tuyến của cái biểu đạt. Khi làm chất liệu để tạo nên các tín hiệu thẩm mỹ, tính hình tuyến vẫn là đặc điểm cơ bản của các tín hiệu thẩm mỹ. Nó thể hiện ở sự kế tiếp lần lượt của các tín hiệu theo tuyến thời gian một chiều, chứ không thể đồng thời hiện ra như các sự vật tồn tại trong không gian, hay như tín hiệu thuộc các ngành nghệ thuật hội họa, kiến trúc, điêu khắc...

Đối với các tín hiệu thẩm mỹ vi mô, tính hình tuyến thể hiện ở sự kế tiếp lần lượt trong một tác phẩm văn chương. Các tín hiệu được người nhận cảm thụ và lĩnh hội theo sự kế tiếp từng chuỗi từ đầu đến cuối văn bản. Tập hợp tất cả các tín hiệu vi mô sẽ tạo nên tín hiệu vĩ mô với một ý nghĩa thẩm mỹ thống nhất. Hãy xem xét bài thơ *Quả sấu non trên cao* của Xuân Diệu. Bài thơ đã xây dựng những tín hiệu thẩm mỹ từ một đối tượng trong hiện thực khách quan: quả sấu non. Vào tác phẩm, đối tượng bình thường này đã trở thành một tín hiệu thẩm mỹ bao trùm cả tác phẩm. Nhưng nó là tập hợp của nhiều tín hiệu vi mô kế tiếp theo hình tuyến. Bài thơ gồm 10 khổ thơ, ngay từ khổ thơ đầu tiên đã lần lượt xuất hiện những tín hiệu miêu tả vị trí, hình dáng, màu sắc của quả sấu:

Chót trên cành cao vót/ Máy quả sấu con con./ Như những chiếc khuy lục/ Trên áo trời xanh xon

Trong khổ thơ, các danh từ chỉ sự vật (*cành, quả sấu, khuy lục, áo trời*), các tính từ (*chót, cao vót, con con, lục, xanh non*), ...không còn là các tín hiệu ngôn ngữ mà đã chuyển hóa thành các tín hiệu thẩm mỹ vẽ lên hình ảnh xinh đẹp, nhỏ nhắn. Rồi kế tiếp là ba khổ thơ tiếp tục miêu tả về trạng thái hiện diện tự nhiên, ngộ nghĩnh của những quả sấu non bé nhỏ giữa một khung trời rộng lớn bao la, như những sinh vật bé nhỏ giữa vũ trụ cao rộng bát ngát. Từ khổ thơ thứ tư, tác phẩm đi vào quá trình phát sinh và phát triển của cái sinh thể bé nhỏ đó, để rồi trở thành lớn khôn và có thể thách thức mọi loài sâu bọ, mọi kẻ thù của sự sống.

Đến đây, tuy bài thơ vẫn còn một khổ cuối cùng, nhưng tín hiệu thẩm mỹ vĩ mô đã được hiện ra khá rõ và người đọc đã có thể lĩnh hội được thông điệp thẩm mỹ mà tác giả gửi gắm trong đó. *Quả sấu* đã được khắc họa dần dần từ rất nhiều phương diện: vị trí, hình dáng, màu sắc, quá trình sinh trưởng, và cả sức mạnh nội tại của nó. Tín hiệu thẩm mỹ này gợi ra ở người đọc những ý nghĩa thẩm mỹ cao đẹp: sự sống (của mọi sinh vật, kể cả con người, của xã hội, của dân tộc, và của cả các tư tưởng, các cuộc cách mạng...) luôn hình thành và phát triển một cách tự nhiên, từ nhỏ đến lớn, từ non nớt đến trưởng thành, và có thể đương đầu với tất cả mọi hiểm nguy, mọi kẻ thù hòng phá hoại, hòng tiêu diệt nó.

Đối với một tác phẩm tự sự, mỗi hình tượng nhân vật là một tín hiệu thẩm mỹ vĩ mô. Mỗi tín hiệu vĩ mô như thế cũng *cần lần lượt được xây dựng* và *lĩnh hội* từ nhiều tín hiệu thẩm mỹ vi mô (về các phương diện ngoại hình, tâm lí, hành động, nói năng, ứng xử... của nhân vật), để rồi cuối cùng hiện ra trong trí não người đọc như một chỉnh thể và có một ý nghĩa thẩm mỹ thống nhất.

b. Tính có lí do, lí giải được

Một luận điểm rất cơ bản khác mà F.de Saussure cũng đã nhấn mạnh: Tín hiệu ngôn ngữ mang tính võ đoán (5; 122-126)

về bản chất - tuyệt đại đa số các tín hiệu ngôn ngữ (nhất là các từ đơn, xét theo mối quan hệ giữa âm thanh và nghĩa gốc) mang tính vô đoán cao, do đó khó hoặc không thể giải thích được lí do của mối quan hệ giữa hai mặt (cái biểu đạt và cái được biểu đạt).

Tín hiệu thẩm mĩ thì trái lại, mối quan hệ giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt có thể cắt nghĩa, giải thích được. Khi lựa chọn một cái biểu đạt nào đó để biểu đạt cho một ý nghĩa thẩm mĩ nào đó, người nghệ sĩ đã căn cứ vào một mối quan hệ nhất định, dựa trên một cơ sở nhất định và theo một phương thức nhất định. Chính vì thế, có nhiều tín hiệu thẩm mĩ là sáng tạo riêng, mang tính cá nhân của tác giả, lần đầu tiên xuất hiện trong văn chương nghệ thuật và có thể rất độc đáo, nhưng độc giả vẫn có thể giải mã được nó trên cơ sở có tính thuyết phục.

Khi nhà thơ Tế Hanh viết trong bài thơ "Nhớ con sông quê hương":

*Quê hương tôi có con sông xanh biếc/
Nước gương trong soi tóc những hàng tre.*

thì trong câu thơ thứ hai có ba tín hiệu thẩm mĩ đặc sắc: *gương, soi, tóc*. Cả ba đều được tạo ra trên cơ sở những sự vật trong hiện thực mà ba từ gọi tên theo cùng phương thức ẩn dụ, nghĩa là trên cơ sở phát hiện mối quan hệ tương đồng nào đó. Tín hiệu *gương* để chỉ con sông vì con sông phẳng lặng, trong trẻo và có thể phản chiếu mọi vật như tấm gương, tín hiệu *tóc* để chỉ những cành lá tre mềm mại và rủ xuống dòng sông như mái tóc người con gái, còn tín hiệu *soi* để chỉ quá trình hay trạng thái in bóng xuống mặt sông của những dãy tre trên bờ. Chính ba tín hiệu này đã mang lại cho câu thơ một cảm xúc thẩm mĩ: con sông quê hương rất đẹp và thấm đậm tình người. Việc sử dụng ba từ: *gương, soi, tóc* và mối quan hệ gắn bó giữa chúng để miêu tả về con sông khiến cho con sông mang hồn người. Ý nghĩa thẩm mĩ của chất liệu ngôn ngữ đã tạo nên tín hiệu thẩm mĩ chính là ở đó.

Thường các tín hiệu thẩm mĩ được xây dựng theo phương thức ẩn dụ hay hoán dụ: giữa ý nghĩa của tín hiệu ngôn ngữ và ý nghĩa thẩm mĩ của tín hiệu thẩm mĩ luôn có mối quan hệ nhất định. Có những trường hợp, tín hiệu thẩm mĩ vừa được xây dựng theo quan hệ tương đồng, vừa được xây dựng theo quan hệ tương cận, tức là vừa theo phương thức ẩn dụ, vừa theo phương thức hoán dụ. Lúc đó sự lí giải mối quan hệ giữa hai mặt của tín hiệu thẩm mĩ lại có tính lí do cao hơn, có cơ sở rõ rệt hơn. Tín hiệu thẩm mĩ *núi đôi* trong bài thơ cùng tên của Vũ Cao là một ví dụ tiêu biểu. Sự thực thì núi đôi (hai ngọn núi) là sự vật có thật trong hiện thực khách quan và hai sự vật đó đã gắn bó với bao kỉ niệm trong cuộc sống của một đôi nam nữ trẻ tuổi. Và giữa họ đã nảy nở những tình cảm gắn gũi cao đẹp:

*Bảy năm về trước em mười bảy/ Anh
mười đôi mười trẻ nhất làng/ Xuân Dục,
Đoài Đông hai cánh lúa/ Bữa thì em tới,
bữa anh sang.*

*Lối ta đi giữa hai sườn núi/ Đôi ngọn
nên làng gọi núi đôi/ Em vẫn đùa anh:
Sao khéo thế/ Núi chồng núi vợ đứng song
đôi!*

Cho nên tín hiệu *núi đôi* vừa có sự tương đồng về quan hệ gắn bó của đôi nam nữ trẻ tuổi, lại vừa có quan hệ tương cận giữa những hiện tượng thiên nhiên của một vùng quê với những con người ở vùng quê đó. Chính vì thế ý nghĩa thẩm mĩ của tín hiệu *núi đôi* dễ được cảm nhận, lí giải: *núi đôi* là tín hiệu về tình cảm gắn bó yêu thương giữa đôi nam nữ trẻ tuổi.

Như vậy, nhờ có mối quan hệ với những cơ sở thực tế trong hiện thực khách quan, nhờ mối quan hệ với tín hiệu ngôn ngữ (tổng thể hai mặt hình thức âm thanh và nội dung ý nghĩa) mà tín hiệu thẩm mĩ là tín hiệu có lí do, có thể được đông đảo độc giả cảm nhận, lĩnh hội và lí giải không phải một cách hoàn toàn chủ quan, tùy tiện mà

có cơ sở cả từ chất liệu ngôn ngữ, cả từ hiện thực được nói đến.

c. Tính hàm súc

Đối với tín hiệu ngôn ngữ, thì một đặc điểm dẫn xuất từ tính võ đoán là tính đa trị: cùng một cái biểu đạt có thể ứng với nhiều cái được biểu đạt, và có thể thực hiện nhiều chức năng khác nhau trong giao tiếp ngôn ngữ. Thể hiện rõ nhất của tính đa trị trong tín hiệu ngôn ngữ là những trường hợp từ đa nghĩa hay từ đồng âm: cùng một cái biểu đạt nhưng ứng với nhiều cái được biểu đạt, do đó cũng thực hiện được nhiều chức năng khác nhau (x.6a).

Ở tín hiệu thẩm mỹ có tình hình tương tự: một cái biểu đạt của tín hiệu thẩm mỹ có thể hàm chứa nhiều ý nghĩa thẩm mỹ và được cảm thụ, lí giải theo nhiều chiều hướng đa dạng, phong phú, tạo nên tính hàm súc.

Chẳng hạn, Tản Đà nổi tiếng với bài thơ *Thề non nước*. Bài thơ này thật ra nằm trong một truyện ngắn kể lại câu chuyện đôi nam nữ trẻ tuổi cùng xướng họa và đề thơ trên một bức tranh sơn thủy (tranh vẽ cảnh núi sông). Hai tín hiệu thẩm mỹ bao trùm bài thơ là *Non* và *Nước* và bài thơ mở đầu bằng những câu thơ:

*Nước non nặng một lời thề / Nước đi đi
mãi không về cùng non / Nhớ lời nguyện
nước thề non / Nước đi chưa lại non còn
đứng trông*

Sau đó là những câu thơ thật cảm động về tình cảm của Non đối với Nước, về tình cảm và cả sự động viên, an ủi của Nước đối với Non trong hoàn cảnh Nước phải xa Non.

Khi đọc giả lĩnh hội bài thơ, nhiều người đã cảm nhận tới ba tầng nghĩa của hai tín hiệu đó:

- Non và Nước là hình ảnh của núi và sông trên bức tranh và trong thiên nhiên. Do đó ý nghĩa thẩm mỹ toát lên từ hai tín hiệu đó là tình cảm gắn bó keo sơn giữa núi và sông, non và nước.

- Non và Nước là hình ảnh của đôi trai gái cùng xướng họa thơ. Do đó bài thơ và các tín hiệu thẩm mỹ này có tầng nghĩa thứ hai: tình cảm yêu đương thắm thiết giữa hai người.

- Đặt trong ngữ cảnh đất nước ta bị thực dân Pháp xâm chiếm đã gần một trăm năm, nên hai tín hiệu Non và Nước trong bài thơ và mối quan hệ của chúng còn nói lên một tầng nghĩa thứ ba sâu xa hơn: tình yêu đất nước và lòng tin tưởng sẽ có ngày đất nước được độc lập, được trở về với những người chủ của nó.

Đối với các tác phẩm tự sự, các hình tượng nhân vật điển hình (các tín hiệu thẩm mỹ vĩ mô) không chỉ nói về một cá thể, mà qua đó còn nói tới cả một lớp người. Tính hàm súc trong tín hiệu thẩm mỹ loại này chính là ở những nét điển hình đó. Lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao không chỉ là hình ảnh về một cá thể nông dân nghèo, có đứa con trai đi kiếm ăn xa, ở nhà một mình với một con chó và hàng ngày trông coi mảnh vườn để chờ ngày con về. Đó là một tín hiệu chất chứa nhiều ý nghĩa thẩm mỹ cao đẹp về sự cần mẫn tần tảo, về đức hi sinh và lòng thương con, về tình cảm quý mến những vật nuôi, về sự trung thực, lòng kính trọng đối với những người có hiểu biết hơn mình (ông giáo) ...

Ngay cả những câu tục ngữ ngắn gọn, cô đọng thể hiện rất rõ tính hàm súc của các tín hiệu thẩm mỹ, khiến đọc giả có thể lĩnh hội với nhiều ý nghĩa sâu xa: *Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng; Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ; Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao...*

Tính hàm súc của tín hiệu thẩm mỹ còn nhân lên nhiều lần khi ta nhớ đến lượng đọc giả vô cùng lớn, không có giới hạn, thuộc nhiều thế hệ, nhiều nền văn hóa (không gian văn hóa) hoặc thời gian văn hóa khác nhau. Mỗi tín hiệu thẩm mỹ như một viên ngọc quý: ngọc càng mài càng sáng.

Tuy nhiên tính hàm súc của tín hiệu thẩm mỹ vẫn khác với tính đa trị (từ đa nghĩa hay đồng âm khác nghĩa) của tín hiệu ngôn ngữ. Tín hiệu ngôn ngữ có thể có nhiều nghĩa ngay cả khi nó tồn tại ở dạng đơn lẻ, chưa tham gia vào hoạt động giao tiếp (so sánh: *lá cây, lá phổi, lá đơm, lá chiếu, lá chắn, lá đồng...*). Bằng chứng là rất nhiều từ đa nghĩa và đồng âm được ghi nhận trong các từ điển. Hơn nữa, tính đa nghĩa đó được đồng đảo (hay toàn thể) các cá nhân trong cộng đồng ngôn ngữ hiểu biết và tích lũy trong vốn ngôn ngữ của mình và khi cần thiết thì sử dụng theo một nghĩa nhất định. Trong khi đó, tính hàm súc của tín hiệu thẩm mỹ chỉ hình thành và tồn tại trong tác phẩm văn chương, trong một ngữ cảnh nhất định và cần được đọc giả lĩnh hội, giải mã trên cơ sở của tín hiệu ngôn ngữ, và quan hệ của chúng trong văn bản, cùng quan hệ với ngữ cảnh sử dụng.

d. Tính cá thể

Hệ thống ngôn ngữ và tín hiệu ngôn ngữ mang tính toàn dân. "Tiếng nói là thứ tài sản vô cùng lâu đời và vô cùng quý báu của dân tộc" (Hồ Chí Minh). Mỗi cá nhân trong một cộng đồng ngôn ngữ nhìn chung đều sở hữu và sử dụng một hệ thống tín hiệu ngôn ngữ chung (cơ bản thống nhất cả về hình thức âm thanh và cả về nội dung biểu đạt, tương tự như cả xã hội đều dùng chung một đồng tiền). Các tín hiệu này chỉ hiện thực hóa cụ thể hay có sự chuyển hóa nào đó phụ thuộc vào ngữ cảnh, trong hoạt động giao tiếp.

Tín hiệu thẩm mỹ thì trái lại: nó mang tính cá thể. Nghĩa là tín hiệu thẩm mỹ do cá nhân sáng tạo ra, mang nét riêng của người sáng tạo, thể hiện cái mới, không lặp lại. Điều đó đáp ứng nhu cầu sáng tạo và thưởng thức nghệ thuật: công chúng luôn luôn đòi hỏi nghệ thuật phải sáng tạo, phải có cái mới, hơn nữa chính điều đó tạo nên sức hấp dẫn và giá trị của nghệ thuật.

Với sự sáng tạo cá nhân của tác giả, nhiều tín hiệu thẩm mỹ rất độc đáo, do đó

có sức hấp dẫn và giá trị nghệ thuật cao. Tiếng chim là một hiện tượng tự nhiên, quen thuộc đối với mọi người. Nhưng Thanh Hải đã cảm nhận và xây dựng thành một tín hiệu thẩm mỹ độc đáo, có sức truyền cảm mạnh mẽ, khó quên trong bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ*:

Mọc giữa dòng sông xanh / Một bông hoa tím biếc / Ôi con chim chiền chiện / Hót chi mà vang trời / Từng giọt long lanh rơi / Tôi đưa tay tôi hứng...

Các tín hiệu *giọt, long lanh, rơi, đưa tay, hứng* thật là độc đáo để nói về tiếng chim hót. Nhà thơ đã dùng biện pháp chuyển đổi cảm giác, biến âm thanh thành vật hữu hình, có màu sắc, có hình khối, có thể cảm nhận được bằng thị giác, xúc giác. Chính sự độc đáo đó sẽ còn đọng mãi trong tâm trí người đọc.

Có những tín hiệu thẩm mỹ (vi mô hay vĩ mô) được nhiều tác giả xây dựng từ cùng một nguồn gốc hiện thực và từ cùng một tín hiệu ngôn ngữ, nhưng chúng vẫn là những tín hiệu thẩm mỹ khác nhau, mang nét riêng và có giá trị nghệ thuật riêng. Chẳng hạn, tín hiệu *tre* trong bài *Tre Việt Nam* của nhà thơ Nguyễn Duy, trong bài kí *Cây tre Việt Nam* của nhà văn Thép Mới và trong văn bản cùng tên của nhà văn Nguyễn Tuân. Cả ba tác phẩm đều xây dựng tín hiệu thẩm mỹ vĩ mô là *cây tre*, nhưng chúng vẫn mang nét riêng, cả về mặt cái biểu hiện (hình thức âm thanh) cả về cái được biểu hiện (ý nghĩa thẩm mỹ). Điều đó không chỉ thể hiện ở dạng ngôn ngữ và thể loại của văn bản tác phẩm (thơ trữ tình/ văn xuôi bút kí) mà chủ yếu là ở tín hiệu thẩm mỹ *tre* của ba tác phẩm với những phong cách ngôn ngữ, với những điểm nhìn, cách cảm, cách nghĩ, cách cấu tứ khác nhau.

Như thế, tuy cùng một cái biểu đạt nhưng những tín hiệu thẩm mỹ mang ý nghĩa thẩm mỹ khác nhau, không trùng lặp. Ngược lại, có những trường hợp, tư tưởng thẩm mỹ, thông điệp thẩm mỹ của

những tác giả khác nhau lại có những nét tương đồng, gần gũi nhau, nhưng tín hiệu thẩm mỹ được xây dựng trong tác phẩm của họ vẫn khác nhau về cái biểu đạt, mang nét riêng biệt, đặc thù của từng tác giả. Điều đó cũng thể hiện tính cá thể của tín hiệu thẩm mỹ.

Ví dụ, so sánh bài thơ *Nhớ rừng* của Thế Lữ và bài thơ *Ông Đồ* của Vũ Đình Liên, ta thấy, về mặt ý nghĩa thẩm mỹ, cả hai bài thơ đều có sắc thái hoài niệm, nuối tiếc một quá khứ huy hoàng, vàng son. Trong bài *Nhớ rừng*, đó là quá khứ oanh liệt của một chúa sơn lâm, nay về sống nơi vườn thú. Và bài thơ được cấu tứ theo những tâm trạng, những suy nghĩ và lời nói của bản thân con hổ về quá khứ vàng son của mình. Còn ở bài thơ sau, đó là một quá khứ gắn liền với một sinh hoạt văn hóa truyền thống, thi vị, hấp dẫn của dân tộc: ông đồ viết câu đối hay cho chữ vào mỗi dịp tết đến, xuân sang để mang lại niềm vui, điều may mắn trong năm mới cho mọi nhà. Trong trường hợp này, bài thơ và tín hiệu *ông đồ* được cấu tứ theo lời của người kể chuyện - người được chứng kiến sự việc, hiện tượng. Ngoài nét tương đồng về hoài niệm, về nỗi nuối tiếc quá khứ, tất nhiên, hai bài thơ còn có những nét nghĩa thẩm mỹ khác nhau (sự chán ghét cảnh tù túng nơi vườn thú và niềm khát vọng tự do ở tín hiệu *con hổ*; trong khi ở tín hiệu *ông đồ*, ngoài nét hoài niệm về quá khứ huy hoàng là niềm cảm thương chân thành về những gì tốt đẹp mà đã lùi về dĩ vãng "một đi không trở lại"). Điều quan trọng là mỗi bài thơ đã xây dựng một tín hiệu thẩm mỹ riêng, độc đáo. Mỗi tín hiệu là một sản phẩm riêng, không thể lẫn lộn và không lặp lại của mỗi tác giả. Chính tính cá thể, sáng tạo độc đáo làm cho mỗi tín hiệu thẩm mỹ nói riêng và nghệ thuật văn chương nói chung trường tồn cùng thời gian.

e. Tính dân tộc

Bản thân tín hiệu ngôn ngữ - chất liệu của văn chương đã có tính dân tộc sâu sắc.

"Ngôn ngữ của một dân tộc là linh hồn của dân tộc đó, và linh hồn của một dân tộc chính là ngôn ngữ của dân tộc đó" (VV. Humboldt). Nhưng khi cấu tạo nên tín hiệu thẩm mỹ thì tín hiệu thẩm mỹ lại một lần nữa có tính dân tộc rõ rệt: đó là tính dân tộc của chất liệu và của sản phẩm nghệ thuật. Tính dân tộc của tín hiệu thẩm mỹ trong văn chương không mâu thuẫn, không bài trừ tính cá thể của nó. Như đã nói, tín hiệu thẩm mỹ có tính cá thể, nhưng đó là nét riêng nằm trong nét chung của dân tộc.

Tính dân tộc của tín hiệu thẩm mỹ trước hết thể hiện ở chất liệu đậm đà bản sắc dân tộc của nó - ngôn ngữ dân tộc. Nhưng ngoài chất liệu và các yếu tố hình thức khác như thể loại, thì bình diện ngữ nghĩa của các tín hiệu thẩm mỹ thể hiện sâu sắc tính dân tộc. Ngữ nghĩa chính là kết quả của nhận thức, tư duy, của nếp cảm, nếp nghĩ của một cộng đồng ngôn ngữ. Cho nên nói đến ngữ nghĩa cũng là nói đến những đặc điểm văn hóa tinh thần của cộng đồng. Hãy đọc bài thơ *Muốn làm thằng cuội* của thi sĩ Tản Đà:

Đêm thu buồn lắm chị hằng ơi! / Trần thế em nay chán nản rồi / Cung quế đã ai ngồi đó chữa? / Cành đa xin chị nhắc lên chơi / Có bầu có bạn can chi tủi / Cùng gió cùng mây thế mới vui / Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám / Tựa nhau trông xuống thế gian cười.

Các tín hiệu thẩm mỹ trong bài thơ mang tính cá thể rõ rệt, thể hiện cả cá tính và phong cách nghệ thuật của Tản Đà: "hồn thơ ngông". Nhưng mặt khác, các tín hiệu đó lại mang bản sắc dân tộc rõ nét. Hồn dân tộc không chỉ thể hiện ở từ ngữ hay lối nói dân tộc (chị, em, đã...chữa..., có bầu có bạn,...). Quan trọng nhất là, nó còn gắn liền với hàng loạt quan niệm, phong tục, nếp cảm nghĩ của người Việt Nam: quan niệm trên mặt trăng có cây đa thằng cuội, hoặc có cây quế (cung quế), gọi mặt trăng là chị Hằng, quan niệm cuộc sống trên mặt đất là trần thế (cõi trần đối lập

với cõi tiên trên mặt trăng), coi ngày rằm tháng tám là một ngày lễ hội ...Tất cả đã thấm đậm bản sắc văn hóa Việt Nam.

Như vậy, cả tín hiệu ngôn ngữ, với tư cách là chất liệu, và cả tín hiệu thẩm mỹ, với tư cách là sản phẩm nghệ thuật, đều mang tính dân tộc sâu sắc.

g. Tính biểu cảm

Bản thân tín hiệu ngôn ngữ là chất liệu để tạo nên nghệ thuật văn chương, đã có tính biểu cảm (x.6a, so sánh tính biểu cảm giữa các từ *cho, tặng, kỉ niệm, biểu, dâng, hiến, tiến, thí, bố thí...*). Trong tác phẩm văn chương, tính biểu cảm là một nhu cầu không thể thiếu. Khác với các sản phẩm của ngôn ngữ khoa học, hay ngôn ngữ hành chính, tác phẩm văn chương rất cần yếu tố mỹ cảm. Khi sáng tác tác phẩm, tác giả thể hiện thái độ, tình cảm, cảm xúc của mình, đồng thời truyền cảm đến độc giả, còn khi tiếp nhận, người đọc lại được khơi gợi, bồi dưỡng, hoàn thiện những cảm xúc tình cảm qua các tín hiệu thẩm mỹ. Đặc trưng cảm xúc là một trong những đặc trưng cơ bản của ngôn ngữ văn chương, và đặc trưng đó được hình thành và tích lũy từ từng tín hiệu thẩm mỹ. Tất nhiên tính biểu cảm của tín hiệu thẩm mỹ nên được quan niệm có cả hai phương diện dương tính (biểu cảm tích cực) và âm tính (biểu cảm tiêu cực), ngoài sắc thái trung hòa.

Biểu cảm dương tính khi tín hiệu thẩm mỹ thể hiện được sắc thái tích cực, tốt đẹp, biểu hiện sự hài lòng đối với sự vật, hiện tượng, được nói đến, và cũng khơi gợi ở độc giả những sắc thái tương ứng. Chẳng hạn, khi tác giả Ngô Văn Phú viết:

*Trên trời mây trắng như bông / Ở dưới
cánh đồng bông trắng như mây / Máy cò má
đỏ hây hây / Đội bông như thể đội mây về
làng.*

thì từ các tín hiệu vi mô đến tổng thể tín hiệu vĩ mô đều toát lên một cảm xúc rất êm đẹp, sáng khoái, lâng lâng về cái khung cảnh hòa hợp của đất trời và con người trong lao động. Trong đó không chỉ có sự

hòa quyện của các màu sắc, của đất và trời, trên và dưới, mà quan trọng là sự hòa quyện của con người và thiên nhiên. Đó là những tín hiệu thẩm mỹ gây được nhiều khoái cảm nghệ thuật.

Biểu cảm âm tính, thì trái lại, tạo nên những cảm xúc tiêu cực, nặng nề, căm ghét, thậm chí dẫn đến những mong ước tiêu diệt, hủy bỏ. Đó là khi tác phẩm xây dựng những tín hiệu thẩm mỹ nói về mặt trái của cái đẹp, là cái phản thẩm mỹ, thậm chí là cái ác, cái cần lên án, cần tiêu diệt, nhưng nhằm mục đích khẳng định cái đẹp. Những nhân vật phản diện như Bá Kiến trong Chí Phèo của Nam Cao, Sở Khanh, Tú Bà trong Truyện Kiều của Nguyễn Du đều là những tín hiệu thẩm mỹ nhưng thuộc phương diện biểu cảm âm tính. Đối với một tác phẩm văn học nước ngoài như Tây Du Ký của Trung Quốc cũng song song tồn tại những nhân vật, những tín hiệu tích cực và những nhân vật, những tín hiệu tiêu cực. Thầy Đường Tăng, Tôn Ngộ Không là những tín hiệu vĩ mô tích cực, qua đó người đọc cảm nhận và xúc động với những nét đẹp về tình người, về xử thế, về tư tưởng cao đẹp của đạo Phật.... Trái lại, những ma quỷ đội lốt người đều là các tín hiệu thẩm mỹ gây xúc cảm tiêu cực, gây sự căm ghét, và khát vọng tiêu diệt. Chúng là hiện thân của cái ác, cái độc, chỉ mang lại đau khổ, bất hạnh cho người khác và thậm chí chỉ muốn nuốt sống ăn tươi người khác để mưu lợi ích cho bản thân. Những tín hiệu thẩm mỹ đó là mặt trái của cái đẹp, cái thiện, cái chân.

Ngay một câu tục ngữ của Việt Nam “gà què ăn quần cối xay, “không chỉ nêu một hiện tượng thường thấy: những con gà khuyết tật, hay bé nhỏ thường chỉ quanh quần nhặt thóc gạo vương vãi xung quanh cối xay, mà không đi kiếm ăn xa. Song, với các tín hiệu thẩm mỹ mang âm tính như *què, quần*, kết hợp với các tín hiệu *gà, ăn, cối xay* đã nói lên một ý nghĩa thẩm mỹ cao rộng hơn có sắc thái âm tính: hoặc là sự tự

dần vật về thói an phận thủ thường của những kẻ nhỏ bé, yếu đuối, hoặc là sự phê phán lối nhìn nhận và làm ăn nhỏ hẹp, quần quanh của những kẻ không biết nhìn xa trông rộng. Cả hai cách hiểu đều bao chứa một cảm nhận âm tính, tiêu cực. Nhưng qua đó để khẳng định một ý nghĩa lớn lao hơn: cần biết nhìn nhận và hành động với một tâm cao rộng, xa xôi.

Như vậy, bản thân tín hiệu ngôn ngữ vốn đã có tính biểu cảm, nhưng khi dùng làm chất liệu cho nghệ thuật văn chương, thì nó tạo nên tín hiệu thẩm mỹ còn mang tính biểu cảm ở mức độ hiển minh hơn. Tất nhiên, tính biểu cảm của tín hiệu thẩm mỹ không chỉ có cơ sở từ tính biểu cảm của chất liệu ngôn ngữ, mà còn có được là do tài năng nghệ thuật của nghệ sĩ ngôn từ.

h. Tính hệ thống

Cũng như các tín hiệu ngôn ngữ, tín hiệu thẩm mỹ trong văn chương nghệ thuật có tính hệ thống, mỗi tín hiệu không tồn tại đơn lẻ, tách biệt mà nằm trong những mối quan hệ nhất định với tín hiệu khác. Chúng tạo nên một chỉnh thể thống nhất trong lòng một tác phẩm nghệ thuật hoặc hơn nữa giữa các tác phẩm nghệ thuật với nhau. Giữa chúng có mối quan hệ về một phương diện nào đó.

Trường hợp tối giản là tính hệ thống giữa hai tín hiệu thẩm mỹ. Nếu chỉ có một tín hiệu thì không tạo nên hệ thống, mặt khác, nếu nhiều tín hiệu nhưng không có mối quan hệ với nhau cũng không có hệ thống. Xét ví dụ sau :

Cầu cong như chiếc lược ngà / Sông dài - mái tóc cung nga buông hờ.

Hai tín hiệu thẩm mỹ nổi bật là *cầu* và *sông*. Trong hiện thực khách quan, hai sự vật làm cơ sở cho tín hiệu thẩm mỹ (sông và cầu) đã có mối quan hệ qua lại khăng khít với nhau. Nhưng trong câu trên, quan hệ giữa chúng lại càng trở nên mật thiết hơn bởi các tín hiệu so sánh: *mái tóc* và *chiếc lược*. *Lược* sinh ra là để cho *tóc*, *tóc* cần có *lược* mới mượt mà, nên nói đến *lược* tất

ýếu sẽ liên quan đến *tóc*. Hơn nữa, tính thẩm mỹ còn được nhân lên bởi các vẻ đẹp, và phẩm chất cao quý của chúng: chiếc lược *ngà*, mái tóc *cung nga*. Tất cả đã phối hợp với nhau để tạo nên một chỉnh thể nghệ thuật thống nhất tuy đơn sơ mộc mạc mà đẹp dễ xiết bao!

Trong cả một tác phẩm văn chương có thể có nhiều tín hiệu thẩm mỹ vi mô. Song nằm trong cùng một tác phẩm, các tín hiệu đó luôn luôn hòa hợp và tương tác để tạo nên một chỉnh thể nghệ thuật. Hãy đọc bài thơ *Cảnh rừng Việt Bắc* mang đậm phong cách Hồ Chí Minh sau đây:

Cảnh rừng Việt Bắc thật là hay / Vượn hót chim kêu suốt cả ngày / Khách đến thì mời ngô nếp nướng / Sản về thường chén thịt rừng quay / Non xanh nước biếc tha hồ dạo / Rượu ngọt chè tươi mặc sức say / Kháng chiến thành công ta trở lại, / Trăng xưa, hạc cũ với xuân này.

Toàn bộ bài thơ là miêu tả cảnh rừng Việt Bắc vào những năm tháng kháng chiến chống Pháp mà đối với lịch sử dân tộc đã trở thành những địa danh và tháng ngày không thể nào quên. Trong khung cảnh đó một sự thống nhất cao độ đã được tạo nên bởi hàng loạt các tín hiệu thẩm mỹ xây dựng từ những sự vật tự nhiên: *rừng, vượn hót, chim kêu, ngô nếp, sản, thịt rừng, non xanh, nước biếc, chè tươi, trăng, hạc*. Hơn nữa tất cả các sản vật đó, tất cả những hoạt động sống của con người trong khung cảnh đó đều ở mức độ rất phong phú, rất dồi dào, rất thoải mái (*thật là, suốt cả, thường, tha hồ, mặc sức*). Tổng thể các tín hiệu đó đã góp phần tạo nên một phong thái rất thanh thản, ung dung, và lạc quan của con người mặc dù trong bối cảnh của một cuộc kháng chiến gian khó, ác liệt.

Nếu đặt bài thơ này và các tín hiệu thẩm mỹ của nó cùng với các tác phẩm khác của Hồ Chí Minh thì còn có thể nhận thấy chúng hợp thành một hệ thống vi mô ở cấp độ lớn hơn, thể hiện rõ phong cách nghệ thuật, cũng như phong cách sống Hồ

Chí Minh. Chẳng hạn, ở bài thơ *Tức cảnh Pắc Bó*, người đọc cũng có thể nhận ra những nét tương đồng về phong cách qua các tín hiệu thẩm mỹ có trong bài thơ này:

Sáng ra bờ suối, tối vào hang / Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng / Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng / Cuộc đời cách mạng thật là sang.

Cuộc sống tuy có phần nào bị giới hạn về không gian, nhưng không vì thế mà mất đi vẻ đầy đủ, sung túc, "sẵn sàng" về sản vật vật chất (cháo bẹ, rau măng), cũng như tràn đầy một tinh thần sảng khoái, hăng say. Các tín hiệu thẩm mỹ ở đây đã có sự thống nhất với bài thơ *Cảnh rừng Việt Bắc* ở trên và ở nhiều tác phẩm khác nữa để tạo nên phong cách nghệ thuật Hồ Chí Minh: thanh thản, tự nhiên, ung dung, tự tại và lạc quan, ngay cả trong những thời gian khó khăn, gian khổ nhất.

Nhìn chung, trong văn chương nghệ thuật, tính hệ thống của tín hiệu thẩm mỹ ở tầm vĩ mô có thể bộc lộ ở mối quan hệ giữa các tín hiệu trong nội bộ văn bản và cả ở mối quan hệ liên văn bản, liên tác phẩm.

Trong các tác phẩm tự sự, như trên đã nói, mỗi hình tượng nhân vật là một tín hiệu thẩm mỹ vĩ mô. Và ở trường hợp này, tín hiệu thẩm mỹ cũng có tính hệ thống. Điều đó thể hiện ở chỗ: các tín hiệu vi mô dùng để nói về từng phương diện của nhân vật (ngoại hình, hoạt động, lời nói, tâm lí, ...) đều hòa hợp và tương tác để khắc họa tính cách nhân vật và nói lên tư tưởng thẩm mỹ của tác phẩm. Ví dụ nhân vật Hoàng trong truyện *Đôi mắt* của nhà văn Nam Cao là một tín hiệu thẩm mỹ vĩ mô có tính hệ thống nhất quán. Từ hình dáng, điệu bộ (bé ú nặng nề) của cơ thể, đến lời nói (cười rú lên), ý nghĩ (chỉ tin và thương Cụ Hồ, còn coi thường đồng bào), đến cách sinh hoạt vật chất cầu kì trong thời kì kháng chiến gian khổ của dân tộc (chăn bông tắm nước hoa, mía ướp hương bưởi...), đến sở thích văn hóa tinh thần (rất khoái nhân vật Tào Tháo trong Tam Quốc chí) và cả quan hệ bạn bè trong hoàn cảnh sống

khi tản cư (thường chỉ chơi tổ tôm với những ông kí, ông phán vô công rồi nghề)... tất cả đều góp phần dựng lên một tín hiệu thẩm mỹ về một lớp người và một cách nhìn trong thời kì kháng chiến chống Pháp trước đây.

5. Như vậy từ chất liệu là tín hiệu ngôn ngữ, tín hiệu thẩm mỹ trong văn chương đã được các nghệ sĩ ngôn từ tạo ra và được đọc giả lĩnh hội, cảm thụ. So với tín hiệu ngôn ngữ, và so với các tín hiệu thẩm mỹ của các ngành nghệ thuật khác, tín hiệu thẩm mỹ trong văn chương có thể có những điểm tương đồng hoặc khác biệt, nhưng nổi bật là các tính hình tuyến, tính có lí do giữa cái biểu đạt và cái được biểu đạt, tính hàm súc, tính biểu cảm, tính cá thể, tính dân tộc và tính hệ thống. Các tính chất đó hòa quyện với nhau ở cả tín hiệu thẩm mỹ vi mô và tín hiệu thẩm mỹ vĩ mô của nghệ thuật văn chương. Chính các tính chất đó đã khiến cho nghệ thuật văn chương ra đời và phát triển trong suốt lịch sử loài người và sẽ còn trường tồn mãi mãi, cho dù loài người có thêm những loại hình nghệ thuật khác.

 (*) *Khi dẫn thơ, chúng tôi không tách dòng mà dùng dấu / để ngăn cách*

Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Hữu Châu (1990), *Những luận điểm về cách tiếp cận ngôn ngữ học các sự kiện văn học*, T/c Ngôn ngữ số 2.
2. Lê Bá Hán và các tác giả (1999), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb GD.
3. Lotman IU.M (2004), *Cấu trúc văn bản nghệ thuật*, Nxb ĐHQG HN.
4. Phan Ngọc (2000), *Cách giải thích văn học bằng ngôn ngữ học*, Nxb Trẻ.
5. Saussure F.de (2005), *Giáo trình ngôn ngữ học đại cương*, Nxb KHXH.
6. Bùi Minh Toán, a. *Kiểm định những đặc tính của chất liệu ngôn ngữ chi phối nghệ thuật văn chương*. T/c Ngôn ngữ số 4/ 2011.
 b. *Lửa trong Truyện Kiều*, T/c Từ điển học và bách khoa thư số 3-2012.
7. Hoàng Tuệ (2006), *Tuyển tập ngôn ngữ học*, Nxb TPHCM.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 15-12-2012)